TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2019/DS-ST
Ngày 19 tháng 03 năm 2019
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Tổ

2. Ông Nguyễn Đức Việt

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên toà: Bà Phạm Thị Quỳnh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị L. Sinh năm: 1994. Địa chỉ: Bản M, xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn C. Sinh năm: 1989. Trú tại: Bản M, xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 12 năn 2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lò Thị L trình bày như sau:

Chị và anh Lò Văn C kết hôn với nhau từ năm 2011 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 09/11/2011. Anh chị có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục

tập quán. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được thời gian là 7 năm thì nảy sinh ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C nghi ngờ chị L ngoại tình và không còn chung thủy với chồng. Tuy nhiên đó chỉ là do anh C ghen tuông vô cớ, không có chứng cứ. Từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xung đột. Không còn tin tưởng nhau về tất cả mọi vấn đề. Tình cảm vợ chồng dần không còn. Anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2017. Anh chị nhận thấy không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Mặc dù hai bên gia đình đã cố gắng khuyên bảo, động viên hai vợ chồng quay về đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái nhưng anh chị không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng được nữa. Đến nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng từ phía chị và anh C đều không còn. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh C được ly hôn.

Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lò Thị Trà G, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Lò Tuấn V, sinh ngày 21/6/2014. Nguyện vọng của chị là mong muốn được chăm sóc nuôi dưỡng một cháu. Có thể là cháu Trà G hoặc cháu Tuấn V. Tuy nhiên do anh C cũng mong muốn được nuôi con. Cháu Trà G lại có nguyện vọng được ở với bố. Hiện tại chị chưa có việc làm ổn định. Có thể phải đi làm ăn xa nên không thể trực tiếp chăm sóc các cháu được. Nên tại phiên tòa, chị chấp nhận giao hai cháu G và V cho anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Còn về vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Chị cũng đề nghị tòa án xem xét để cho chị cấp dưỡng nuôi con với mức là 400.000đồng/1tháng/1cháu. Sau này có điều kiện kinh tế hơn chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với mức cao hơn.

Về tài sản chung của vợ chồng: Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ của anh C. Thu nhập vợ chồng cũng chỉ đủ để chi tiêu, sinh hoạt trong gia đình. Không dành giụm tiết kiệm mua sắm được tài sản gì có giá trị. Nên không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/01/2019, bị đơn anh Lò Văn C trình bày như sau:

Về quá trình kết hôn anh C trình bày thống nhất với lời khai của chị L. Anh chị tự nguyện kết hôn, có đi đăng ký kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Theo anh, hai vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo anh chủ yếu là do anh đi làm xa nên chị thay đổi tình cảm, không còn chung thủy với anh. Anh không thể chấp nhận được. Mặc dù hai bên gia đình cũng đã cố gắng hòa giải, bản thân anh chị cũng đã cố gắng để cho nhau cơ hội quay về đoàn tụ gia đình nhưng không được. Anh cũng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Nguyện vọng của anh nếu phải ly hôn thì anh mong muốn được nuôi cả hai con chung là cháu Lò Thị Trà G và cháu Lò Tuấn V vì anh cho rằng các cháu còn nhỏ, cần sự chăm sóc chu đáo của gia đình. Hơn nữa anh không muốn các

con phải sống xa nhau vì chị em G, V rất tình cảm. Cháu G đã có nguyện vọng mong muốn được ở với anh. Vì vậy, anh mong muốn được nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai cháu. Việc cấp dưỡng nuôi con anh đề nghị tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu chị C không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng anh thì anh cũng không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn nhiều lần triệu tập anh C đến Tòa để giải quyết, nhưng anh C vắng mặt và có yêu cầu đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt, không đề nghị tòa án tiến hành hòa giải. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên toà ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định: Áp dụng Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị L đối với anh Lò Văn C. Về con chung: Giao cháu cháu Lò Thị Trà G, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Lò Tuấn V, sinh ngày 21/6/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C đối với cháu Lò Thị Trà G là 400.000đồng/1tháng, và với cháu Lò Tuấn V là 400.000đồng/1tháng. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn đã triệu tập hợp lệ đối với anh Lò Văn C trong việc tham gia các buổi làm việc tại tòa án. Tuy nhiên anh C văng mặt mà không có lý do. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh C tại gia đình theo đúng quy định của pháp luật. Anh C đã đề nghị tòa án không tiến

hành hòa giải và đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc tại tòa án cũng như khi xét xử vụ án. Do vậy, tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với việc xét xử, trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Do anh C đã có ý kiến đề nghị tòa án giải quyết vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Lò Văn C và chị Lò Thi L tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2011, anh chị đã được UBND xã M1, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/11/2011.Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng anh chị không hòa hợp, không tin tưởng nhau trong chuyện tình cảm, không thống nhất về kinh tế, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát, đánh chửi nhau. Quá trình điều tra xác minh nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa hai vợ chồng theo quy định tại khoản 3 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đại diện chính quyền địa phương và mẹ đẻ của anh C cùng những người biết sự việc đã xác định: giữa anh chị có mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế. Gia đình cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Việc mâu thuẫn diễn ra từ nhiều năm nay. Cả hai anh chị đều có nguyện vọng được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh C.

[2.2] Về con chung: Anh chị có hai con chung là cháu Lò Thị Trà G, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Lò Tuấn V, sinh ngày 21/6/2014. Căn cứ các tài liệu chứng cứ đương sự cung cấp cũng như Tòa án đã thu thập được, HĐXX xét thấy: Chị L hiện không có việc làm, thu nhập không ổn định. Anh C có việc làm, việc chăm sóc các cháu ngoài anh còn được sự hỗ trợ từ ông bà nội. Cháu G đã được 8 tuổi và có nguyện vọng được ở với bố. Tại phiên tòa, chị L cũng xác định tại thời điểm hiện tại chưa đủ điều kiện cả về kinh tế, chỗ ở để có thể chăm sóc con nên tự nguyện nhường quyền nuôi cả hai cháu cho anh C. Chị đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C là 400.000đ/1tháng/1cháu. Do vậy, để bảo đảm quyền lợi của con chung chưa thành niên, căn cứ quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, cần giao cháu G và cháu V cho anh C trực tiếp chăm sóc giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị L phải cấp dưỡng cho anh C nuôi cháu Lò Thị Trà G là 400.000đồng/1tháng, cấp dưỡng cho anh C nuôi cháu Lò Tuấn V là 400.000đồng/1tháng.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh C, chị L đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp

về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.4] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110; Điều116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Lò Thị L và anh Lò Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Lò Thị Trà G, sinh ngày 20/10/2011 và cháu Lò Tuấn V, sinh ngày 21/6/2014 cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Chị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C đối với cháu Lò Thị Trà G là 400.000đồng/1tháng và với cháu Lò Tuấn V là 400.000đồng/1tháng.

Sau khi ly hôn, chị L được quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh chị L được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung: anh C và chị L đều xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp về tài sản chung và nợ chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000đồng. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001811 ngày 04 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Còn phải nộp tiếp số tiền là 300.000đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Nga